

Chính sách xã hội trong Cách mạng tháng Tám 1945 và trong sự nghiệp đổi mới ngày nay

Phạm Xuân Nam *

Tóm tắt: Trên cơ sở khẳng định sự kết hợp chặt chẽ giữa giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội là một đặc điểm nổi bật của Cách mạng tháng Tám 1945 do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bài viết tập trung phân tích những chính sách xã hội giải cứu của Mặt trận Việt Minh; việc thực hiện những chính sách xã hội cơ bản để đem lại lợi ích thiết thân cho nhân dân ngay sau ngày Tuyên ngôn Độc lập; thực thi hệ thống chính sách xã hội ngày càng mở rộng trong tiến trình đổi mới gần 30 năm qua. Tất cả những điều đó chứng tỏ, Đảng và Nhà nước ta luôn chăm lo đến các chính sách xã hội trong mọi chiến lược và kế hoạch hành động của mình nhằm phát huy cao độ nhân tố con người, xem con người là động lực to lớn nhất của sự nghiệp cách mạng và đổi mới, đồng thời coi ấm no, tự do, hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất.

Từ khóa: Cách mạng tháng Tám; chính sách xã hội; đổi mới.

Cách mạng tháng Tám 1945 trước hết là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Cuộc cách mạng đó đã lật nhào ách thống trị của bọn thực dân, đế quốc xâm lược, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do.

Xét về thực chất và nội dung, Cách mạng tháng Tám còn là mốc mở đầu cho sự nghiệp giải phóng xã hội, từng bước xóa bỏ áp bức bất công, đem lại những quyền lợi thiết thân cho các tầng lớp nhân dân trong nước.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội là một trong những đặc điểm nổi bật của Cách mạng tháng Tám, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Sự kết hợp ấy xuất phát từ yêu cầu khách quan của thực tiễn cách mạng và đáp ứng đúng nguyện vọng sâu xa của tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam thời bấy giờ.

Nhờ vậy, Cách mạng tháng Tám đã động viên, lôi cuốn được hàng triệu, hàng chục triệu quần chúng nhân dân, đưa họ “không phải đến những cuộc trỗi dậy tạm thời, không phải đến những hành động lửa rơm chóng tắt, mà đến những hành động lâu dài dẫn tới một sự biến đổi lịch sử vĩ đại”⁽¹⁾ (như C.Mác đã từng nói về những cuộc cách mạng chân chính trong sự nghiệp nhân loại). Có thể thấy rõ điều này qua những sự kiện sau đây.

1. Tình cảnh dân ta trước Cách mạng tháng Tám và những chính sách xã hội giải cứu của Mặt trận Việt Minh

Trước Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta mà tuyệt đại đa số là quần chúng công

^(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0989565601. Email: pxnam108@gmail.com.

⁽¹⁾ C. Mác - Ph.Ăngghen (1962), *Tuyển tập*, t.2, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.639.

nông phải sống dưới mây tầng áp bức của thực dân, đế quốc và tay sai, bị tước đoạt những điều kiện sinh tồn cơ bản nhất của con người.

Việc mở mang các đồn điền, hầm mỏ, xí nghiệp của tư bản Pháp,... luôn đi liền với việc cưỡng chiếm hàng vạn hecta ruộng đất của nông dân. Ngoài ra, các chế độ thuế khóa, phu phen, tạp dịch nặng nề nhất đều trút lên đầu dân cày nước ta, gồm tới 90% dân số. Ngay từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã lột tả thân phận người nông dân Việt Nam như sau: “Ruộng bị Tây chiếm hết, không đủ mà cày. Gạo bị nó chở hết, không đủ mà ăn. Làm nhiều, được ít, thuế nặng... Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợ con, hoặc đem thân làm nô lệ như những người nó chở đi Tân thế giới...”⁽²⁾.

Đến khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, phát xít Nhật kéo vào Đông Dương, thì cả thực dân Pháp và phát xít Nhật lại đua nhau vơ vét sức người, sức của của nhân dân ta để dốc vào chiến tranh.

Hàng vạn hecta ruộng đất của nông dân đang trồng lúa bị chính quyền thuộc địa bắt nhổ đi để trồng đay, bông, thầu dầu nộp cho Nhật. Chính sách thu thóc tạ của quân đội Phù Tang lại càng độc ác hơn. Chỉ trừ một số rất ít đại địa chủ có thể lực dựa được vào cả Pháp và Nhật, còn số đông địa chủ vừa và nhỏ, đặc biệt là nông dân đã buộc phải bán thóc theo diện tích cày cấy với số lượng ngày càng tăng và theo một giá quy định rẻ mạt,... Đó chính là những nguyên nhân cơ bản làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói vào cuối năm 1944 đầu năm 1945.

Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định kéo dài thời gian làm việc của

công nhân lên 60 giờ 1 tuần, thậm chí kéo dài đến 72 giờ ở những nơi chúng cho là “cần thiết”. Trong khi công nhân vẫn chỉ được trả một thứ tiền công chết đói.

Bên cạnh chính sách độc quyền kinh tế, bọn cai trị còn đặt thêm ra nhiều thứ thuế vô lý làm cho hàng loạt tiểu thương, tiểu chủ lâm vào cảnh bần cùng.

Ngay giai cấp tư sản dân tộc cũng bị chèn ép và kìm hãm gặt gao, không sao ngóc đầu lên được.

Nhờ phân tích đúng tính chất và những chuyển biến của xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, hiểu rõ thực trạng đời sống và nguyện vọng sâu xa của mọi tầng lớp nhân dân trong nước, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5 - 1941), do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chủ trì, đã chủ trương đặt vấn đề giải phóng dân tộc cao hơn hết thảy, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất lại nhằm tập hợp rộng rãi tất cả các lực lượng yêu nước, không phân biệt già trẻ, gái trai, dân tộc, tôn giáo, giàu nghèo,... vào Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) đem toàn lực thực hiện hai mục tiêu cao cả:

“- Làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.

- Làm cho nhân dân Việt Nam được sung sướng tự do”⁽³⁾.

Mặt trận Việt Minh đề ra Chương trình cứu nước gồm nhiều chủ trương, chính sách có quan hệ mật thiết với nhau về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao. Riêng trên lĩnh vực xã hội, Chương trình Việt

⁽²⁾ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.309.

⁽³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.470.

Minh đã đề ra những chính sách rất cụ thể và sát hợp đối với từng giới đồng bào⁽⁴⁾. (1) Công nhân ngày làm 8 giờ; định lương tối thiểu. Cứu tế thất nghiệp, xã hội bảo hiểm. Công nhân già có lương hưu trí. (2) Nông dân ai cũng có ruộng cày, giảm địa tô, cứu tế nông dân trong những năm mất mùa. (3) Binh lính: hậu đãi binh lính có công giữ gìn Tổ quốc và phụ cấp cho gia đình họ được đầy đủ. (4) Học sinh: bỏ học phí,... mở thêm trường học, giúp đỡ học sinh nghèo. (5) Phụ nữ: đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông về các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa. (6) Thương nhân và các nhà kinh doanh: Chính phủ hết sức giúp đỡ các nhà có vốn tự do kinh doanh. (7) Viên chức: hậu đãi viên chức xứng đáng với công học tập. (8) Người già và tàn tật: được chính phủ chăm nom và cấp dưỡng. (9) Nhi đồng: được chính phủ chăm sóc đặc biệt về thể lực và trí dục. (10) Hoa kiều: được chính phủ bảo đảm tài sản an toàn,...

Mười chính sách xã hội trên đây thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Mặt trận Việt Minh đến những yêu cầu thiết yếu nhất về đời sống của mọi tầng lớp nhân dân trong nước. Đặc biệt, không đợi đến khi giành được chính quyền toàn quốc, những chính sách ấy đã được từng bước thực hiện ngay tại các khu căn cứ địa cách mạng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa ở Việt Bắc và một số nơi khác.

Điều đó có tác dụng cổ vũ, động viên, tập hợp được tuyệt đại bộ phận các tầng lớp nhân dân, các giới đồng bào dưới lá cờ Việt Minh, tạo thành nguồn sức mạnh đời non, lấp biển, làm nên những chuyển biến lịch sử to lớn trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên

nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”⁽⁵⁾.

Có thể nói, sức mạnh của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 chính là sức mạnh vùng lên của đồng bào cả nước, được khơi dậy và nhân lên bởi một đường lối cách mạng đúng đắn, trong đó có hệ thống chính sách xã hội hợp lòng dân của Mặt trận Việt Minh, do Đảng ta sáng lập và lãnh đạo.

2. Thực hiện các chính sách xã hội thiết yếu ngay sau khi chính quyền cách mạng được thiết lập trong cả nước

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đánh dấu một bước ngoặt cơ bản của quá trình giải phóng dân tộc kết hợp với giải phóng xã hội ở nước ta. Nhưng khi chính quyền cách mạng non trẻ vừa mới ra đời, nó đã phải đương đầu với những khó khăn chồng chất do thù trong, giặc ngoài gây ra, cộng với biết bao di sản tồi tệ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội do chế độ cũ để lại. Thêm vào đó là trận lụt lớn đã phá hoại tám tỉnh sản xuất lúa gạo ở Bắc Bộ, khiến cho nguy cơ tái diễn nạn đói trở nên trầm trọng hơn.

Trước tình hình đó, bên cạnh những nhiệm vụ quan trọng khác, khâu then chốt để củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng lúc này chính là phải tạo nên một nền tảng xã hội vững chắc của chính quyền cách mạng, làm cho nó thật sự trở thành một chính quyền sáng suốt và mạnh mẽ của nhân dân. Sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời ngày

⁽⁴⁾ Hồ Chí Minh (1995), *Sđd*, t.3, tr.585.

⁽⁵⁾ Hồ Chí Minh (1995), *Sđd*, t.4, tr.3.

3 tháng 9 năm 1945 đã thể hiện rõ sự sáng suốt chính trị ấy: phát động chiến dịch tăng gia sản xuất đồng thời với mở cuộc lạc quyền để chống nạn đói; tiến hành ngay chiến dịch diệt giặc dốt để xóa nạn mù chữ cho hơn 90% đồng bào ta - hệ quả của hơn 80 năm “khai hóa văn minh” của thực dân Pháp; tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, lập ra Quốc hội, xây dựng Hiến pháp bảo đảm quyền tự do dân chủ cho nhân dân; mở cuộc vận động giáo dục lại nhân dân theo tinh thần cần, kiệm, liêm, chính; bỏ ngay ba thứ thuế vô nhân đạo, tuyệt đối cấm hút thuốc phiện; tuyên bố chính sách tự do tín ngưỡng, Lương - Giáo đoàn kết⁽⁶⁾.

Mặc dù thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội khác nhau, song tất cả các nhiệm vụ trên đây, xét đến cùng, đều đáp ứng đúng những nhu cầu bức thiết trong đời sống vật chất, tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân, và vì thế chúng đều hàm chứa một ý nghĩa xã hội hết sức sâu sắc.

Để thực hiện những nhiệm vụ đó, Hội đồng Chính phủ lâm thời và các cấp có thẩm quyền đã lần lượt ban hành những văn bản có giá trị pháp lý trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến lĩnh vực chính sách xã hội: Ngày 8 tháng 9 năm 1945, Chính phủ ra Sắc lệnh thành lập Bình dân học vụ, trong đó có điều khẳng định việc học chữ là bắt buộc và không mất tiền. Cùng ngày, còn có Sắc lệnh thành lập Nha Dân tộc thiểu số để chăm lo đến các quyền lợi thiết yếu của đồng bào các dân tộc anh em trong đại gia đình Việt Nam. Ngày 20 tháng 9, Chính phủ ra Sắc lệnh quy định việc tôn trọng những nơi thờ tự của tất cả các tôn giáo. Giữa tháng 10, Bộ Lao động ra Nghị định nêu rõ công nhân được hưởng nguyên

lương trong thời gian luyện tập quân sự; chủ xí nghiệp muốn cho công nhân thôi việc phải báo trước, đồng thời phải phụ cấp cho những người bị yêu cầu thôi việc trong khi họ đi tìm việc khác. Ngày 26 tháng 10, Bộ Tài chính ra Nghị định giảm 20% thuế ruộng trong cả nước và miễn thuế ruộng cho những vùng bị lụt. Ngày 26 tháng 10, Chính phủ ra Thông cáo quy định địa chủ có nhiệm vụ giảm 25% địa tô cho tá điền, đồng thời tá điền phải tôn trọng quyền sở hữu ruộng đất của địa chủ... Đến kỳ họp thứ hai của Quốc hội (11 - 1946), Luật Lao động đã được chính thức thông qua, trong đó có điều quy định rõ ngày làm việc 8 giờ...

Trong bối cảnh lịch sử cụ thể của nước ta sau Cách mạng tháng Tám, việc ban hành và thực hiện nghiêm chỉnh những chính sách vừa nêu có những đặc điểm nổi bật sau đây:

Thứ nhất, đó là những chính sách nhằm cải thiện một số mặt trong đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngay sau ngày tuyên bố độc lập. Những chính sách ấy đều thấm nhuần một quan điểm có tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽⁷⁾. Ít lâu sau, trong Bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, Người còn nói rõ thêm: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

Chúng ta phải làm ngay: làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành.

⁽⁶⁾ *Sđd*, t.4, tr.7 - 9.

⁽⁷⁾ Hồ Chí Minh (1995), *Sđd*, t.4, tr.56.

Cái mục đích chúng ta đi đến là 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức cho tự do độc lập⁽⁸⁾.

Thứ hai, phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam hồi đó, mỗi chính sách xã hội vừa phải đáp ứng ngay những nhu cầu thiết yếu trong đời sống của quần chúng nhân dân lao động, trước hết là nông dân và công nhân, đồng thời vừa phải chiếu cố đến lợi ích chính đáng của các giai cấp hữu sản. Đó chính là sự điều hòa mối quan hệ lợi ích giữa các giai tầng xã hội nhằm xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tập trung mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chủ yếu nhất là thực dân Pháp, được Anh, Mỹ giúp sức, đang quay trở lại xâm lược ở miền Nam nước ta; trong khi đó ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng và bè lũ tay sai được chúng nâng đỡ cũng liên tiếp giở mọi thủ đoạn hòng lật đổ chính quyền cách mạng.

Thứ ba, trước tình hình kinh tế, tài chính kiệt quệ của nhà nước ta sau Cách mạng tháng Tám, tất cả các chính sách xã hội do Chính phủ ban hành đều được thực hiện chủ yếu bằng sức người, sức của, tài năng và tâm huyết của các tầng lớp nhân dân yêu nước, chứ không phải bằng sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, mà lúc đó dù muốn cũng không thể có được.

Kinh nghiệm thực tế này là một minh chứng hùng hồn về sự đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh: trong công cuộc xây dựng đất nước, Đảng và chính quyền các cấp phải biết “đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân”⁽⁹⁾, cũng giống như chính Người từng kiên trì giáo dục và kêu gọi toàn dân anh dũng đứng lên “đem sức ta mà giải phóng cho ta”⁽¹⁰⁾ trong cuộc Tổng khởi nghĩa mùa Thu 1945.

Thứ tư, tất cả các chính sách xã hội do Hội đồng Chính phủ lâm thời ban hành sau Cách mạng tháng Tám đã nhanh chóng đi vào cuộc sống. Bên cạnh sự đúng đắn và hợp lòng dân của các chính sách đó, một nhân tố cực kỳ quan trọng là sự gương mẫu thực hiện của những người đứng đầu bộ máy nhà nước. Điển hình là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người không chỉ hô hào nhân dân tăng gia sản xuất cứu đói, mà tự mình còn bắt tay hành động để lới cuốn các bộ trưởng, các nhân viên trong hệ thống cơ quan nhà nước “mỗi người đều trồng một đám đất trong những giờ rảnh”⁽¹¹⁾. Người còn đề nghị và bản thân mình thực hiện trước: “Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”⁽¹²⁾. Noi gương Người, cả nước đã dấy lên phong trào “nhường cơm sẻ áo”. Nhà nhà đều có “hũ gạo cứu đói”. Các đoàn thể quần chúng đều tổ chức lạc quyên, thu gom được hàng ngàn tấn gạo kịp thời giúp cho những gia đình thiếu ăn.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của chính quyền cách mạng các cấp và sự nỗ lực của nhân dân trong chiến dịch diệt “giặc đói”, sản lượng lúa chiêm ở Bắc Bộ năm 1946 tăng hơn vụ chiêm năm trước 100.000 tấn, sản lượng vụ mùa đạt 1.150.000 tấn, tăng gấp đôi sản lượng vụ mùa năm trước. Nạn đói được đẩy lùi. Đó quả là “một kỳ công của chế độ dân chủ”⁽¹³⁾.

⁽⁸⁾ *Sđd*, tr.152.

⁽⁹⁾ Hồ Chí Minh (1995), *Sđd*, t.5, tr.65.

⁽¹⁰⁾ *Sđd*, t.3, tr.554.

⁽¹¹⁾ Trần Dân Tiên (1970), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.117.

⁽¹²⁾ Hồ Chí Minh (1995), *Sđd*, t.4, tr.31.

⁽¹³⁾ Báo *Cứu quốc* ngày 5 tháng 9 năm 1946.

Bên cạnh chiến công đẩy lùi “giặc đói”, cuộc đấu tranh chống “giặc dốt” cũng thu được những kết quả đáng khích lệ. Mở đầu chiến dịch chống “giặc dốt”, Hồ Chủ tịch kêu gọi: “Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, phải có kiến thức mới để tham gia vào công việc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ”⁽¹⁴⁾.

Với truyền thống hiếu học của nhân dân và với sự nỗ lực thâm lặng, cao quý của hàng vạn giáo viên bình dân học vụ, phong trào dạy và học chữ Quốc ngữ phát triển rộng khắp cả ở thành thị và nông thôn. Đến đầu tháng 9 - 1946, chỉ riêng các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ đã có 70.950 lớp học bình dân học vụ với 95.660 giáo viên. Trong kỳ thi mãn khóa bình dân học vụ đầu tiên, trên 2.520.000 học viên đã được công nhận thoát nạn mù chữ.

Có thể khẳng định, bốn đặc điểm nêu trên cũng là bốn bài học quý của việc hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách xã hội dưới chính thể mới vừa ra đời sau Cách mạng tháng Tám 1945, mà những chính phủ kế tiếp đều cố gắng kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo trong từng giai đoạn cách mạng cụ thể sau đó.

3. Thực thi hệ thống chính sách xã hội ngày càng mở rộng trong tiến trình đổi mới toàn diện đất nước

Cùng với thành tựu của những chính sách quan trọng khác về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, ... việc tích cực thực hiện nhiều chính sách xã hội đúng đắn theo tinh thần của Cách mạng tháng Tám trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ có tác dụng phát huy chủ nghĩa

yêu nước, tinh thần đoàn kết, khí phách anh hùng, ... của các tầng lớp nhân dân vì mục tiêu hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thu toàn bộ non sông về một mối, đưa cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, vào những năm 1976 - 1986, do nhiều nguyên nhân mà chủ yếu là do những chủ trương, chính sách mang nặng tính giáo điều, chủ quan, duy ý chí của Đảng, Nhà nước trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo một mô hình cũ đã lỗi thời, nước ta đã dần dần lâm vào trì trệ, suy thoái rồi khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

Với phương châm “nhìn thẳng vào sự thật”, Đại hội VI của Đảng (12 - 1986) đã nghiêm khắc tự phê bình về những chủ trương, chính sách sai lầm đó, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước.

Kể từ sau Đại hội Đảng VI, công cuộc đổi mới đất nước ngày càng đi vào chiều sâu. Trước những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống, Đảng ta đã rất coi trọng đổi mới tư duy lý luận nhằm vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong nước, đồng thời mở rộng tầm nhìn ra bên ngoài, tham khảo và tiếp thu có lựa chọn những lý thuyết mới, những kinh nghiệm hay của thế giới. Qua đó, các Đại hội Đảng VII, VIII, IX, X, XI và nhiều Hội nghị Trung ương giữa các nhiệm kỳ đại hội ngày càng xác định rõ hơn mục tiêu tổng quát cùng những chủ trương, quan điểm lớn định hướng cho công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong đó có các chủ trương, chính sách phát triển xã hội theo nguyên tắc

⁽¹⁴⁾ Hồ Chí Minh (1995), *Sđd*, t.4, tr.36.

tiền bộ và công bằng, đặt trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Những chủ trương, quan điểm có ý nghĩa chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội cốt yếu sau đây:

Một là, chuyển nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa⁽¹⁵⁾ nhằm giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, không ngừng cải thiện đời sống xã hội mọi mặt của nhân dân.

Hai là, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế.

Ba là, giải quyết việc làm là khâu quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của tất cả mọi người lao động.

Bốn là, khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Coi một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển.

Năm là, xem giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành.

Sáu là, thực hiện đồng bộ chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi.

Bảy là, xây dựng hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Cứu trợ kịp thời bộ phận dân cư bị thiệt hại do thiên tai. Chăm lo cho cuộc sống bình thường của những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ...

Tám là, chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, tạo điều kiện cho tất cả mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

Với chức năng do Hiến pháp quy định, Quốc hội và Chính phủ nước ta đã lần lượt thể chế hóa những chủ trương, quan điểm nêu trên của Đảng thành hệ thống pháp luật, chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể để đưa vào cuộc sống. Nhờ vậy, tiến trình đổi mới ở nước ta gần 30 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, trong đó có những thành tựu rất đáng khích lệ về thực thi hệ thống chính sách xã hội, đặt trong mối quan hệ tác động qua lại biện chứng với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

** Về tăng trưởng kinh tế*

Nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá cao trong nhiều năm liền. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hàng năm thời kỳ 1986 - 1990 là 4,4%, thời kỳ 1991 - 1995 là 8,2%, thời kỳ 1996 - 2000 là 7,1%, thời kỳ 2001 - 2005 là trên 7,5%, thời kỳ 2006 - 2010 là 6,3%, thời kỳ 2011 - 2014 ước đạt 5,6%.

Các cơ hội phát triển dần dần được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi giai tầng xã hội. GDP bình quân theo đầu người

⁽¹⁵⁾ Đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như Đại hội IX của Đảng đã khái quát.

từ khoảng gần 100 USD năm 1986 tăng lên trên 2.000 USD năm 2014. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt.

** Về thực thi chính sách xã hội*

- Trong lĩnh vực lao động và việc làm: thời kỳ 1991 - 2000, trung bình hàng năm cả nước đã giải quyết cho khoảng 1 - 1,2 triệu người lao động có công ăn việc làm; thời kỳ 2001 - 2005, trung bình đạt 1,4 - 1,5 triệu người. Những năm gần đây, con số đó tăng lên đến 1,6 triệu người. Công tác dạy nghề từng bước phát triển, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo từ dưới 10% năm 1990 tăng lên khoảng 49% hiện nay.

- Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được kết quả đầy ấn tượng. Theo chuẩn do Ngân hàng Thế giới phối hợp với Tổng cục Thống kê tính toán thì tỷ lệ nghèo chung⁽¹⁶⁾ đã lần lượt giảm từ 58% năm 1993 xuống 29% năm 2002 và còn khoảng 7 - 8% hiện nay. Như vậy, Việt Nam đã “hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015”, mà Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) của Liên Hợp Quốc đã đề ra⁽¹⁷⁾.

- Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển về quy mô và đa dạng về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học. Đến cuối năm 2010, hầu hết các tỉnh thành đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Từ năm 2006 đến nay, trung bình hàng năm quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp tăng khoảng 10%, cao đẳng và đại học tăng trên 7%. Mấy năm gần đây, hàng triệu học sinh, sinh viên nghèo được Ngân hàng chính sách xã hội cho vay trên 35.000 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi để theo học⁽¹⁸⁾.

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Mạng lưới y tế từ Trung ương đến xã từng bước được củng cố. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên. Từ năm 1990 đến năm 2013, tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 81‰ xuống còn khoảng 22‰; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đã giảm từ 50% xuống còn khoảng 15,7%. Công tác tiêm chủng mở rộng được thực hiện, nhiều dịch bệnh hiểm nghèo trước đây đã được khống chế hoặc thanh toán. Tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 tuổi năm 1990 tăng lên gần 74 tuổi hiện nay.

- Việc thực hiện chính sách ưu đãi xã hội với người có công được đặc biệt quan tâm. Tính đến năm 2014, cả nước có 8,8 triệu người có công, trong đó 1,4 triệu người có công được hưởng trợ cấp thường xuyên. Năm 2010, ngân sách trung ương đã chi 19.000 tỷ đồng để thực hiện chính sách này. Hơn 90% người có công đã được hưởng trợ cấp đủ bảo đảm mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn cư trú.

- Việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội có bước chuyển biến rõ rệt. So với thời kỳ trước đổi mới và những năm đầu đổi mới, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm cả bảo hiểm thất nghiệp ngày càng mở rộng. Số người thuộc đối

⁽¹⁶⁾ Tỷ lệ nghèo chung bao gồm cả nghèo lương thực, thực phẩm và nghèo phi lương thực, thực phẩm.

⁽¹⁷⁾ Cơ quan đại diện Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2002), *Đưa các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đến với người dân*, Hà Nội, tr.1.

⁽¹⁸⁾ Nguyễn Trọng Đàm (2014), “Vấn đề cấu trúc mô hình và cách vận hành các trụ cột của hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Cộng sản*, số 6, tr.57.

tượng này từ 4,8 triệu năm 2001 đã tăng lên 11 triệu năm 2014⁽¹⁹⁾.

- *Diện bao phủ bảo hiểm y tế tăng nhanh.* Sau ba lần Chính phủ ban hành các Nghị định bảo hiểm y tế (năm 1992, 1998, 2005), số người tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc tăng nhanh. Đồng thời số người tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện cũng dần dần lan tỏa đến các đối tượng là nông dân, học sinh, sinh viên... Tính chung, số người tham gia bảo hiểm y tế các loại đã từ 11,34 triệu năm 2001 tăng lên 61 triệu năm 2014, chiếm khoảng 71% dân số cả nước⁽²⁰⁾.

- *Việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội từng bước được cải tiến.* Thuộc đối tượng này có những người bị thiệt hại do thiên tai và những người lâm vào tình trạng khó khăn trầm trọng. Việc trợ giúp những đối tượng kể trên được thực hiện qua cả hai kênh: Nhà nước và cộng đồng. Ngân sách trợ giúp của Nhà nước đã từ 113 tỷ đồng cho 180.000 người năm 2001 tăng lên 4.500 tỷ đồng cho 1,6 triệu người năm 2010. Ngoài ra, theo truyền thống “tương thân tương ái” của dân tộc, cả nước hiện có 580 cơ sở do cộng đồng đảm nhiệm nuôi dưỡng khoảng 20.000 người già cô đơn, người tàn tật, trẻ em mồ côi... Ở nhiều địa phương, nhân dân còn góp công, góp của xây dựng hàng trăm căn nhà “tình thương” cho những gia đình nghèo cùng cực⁽²¹⁾.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc thực thi hệ thống chính sách xã hội trong tiến trình đổi mới đất nước những năm qua cũng còn không ít hạn chế, yếu kém.

Nhận thức của nhiều cấp ủy Đảng và chính quyền về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực thi chính sách xã hội chưa đầy đủ và sâu sắc. Không ít tỉnh, thành, huyện, xã vẫn có xu hướng nghiêng về chạy theo

tăng trưởng kinh tế hơn là thực hiện tiến bộ công bằng xã hội. Quản lý nhà nước về tổ chức thực hiện chính sách xã hội cũng còn nhiều bất cập, chông chéo. Còn thiếu những giải pháp hữu hiệu để thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng, miền. Một bộ phận nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa chưa được hưởng một cách công bằng những thành quả của công cuộc đổi mới.

Bên cạnh đó, do tác động mặt trái của kinh tế thị trường, đặc biệt khi vai trò quản lý xã hội của nhà nước còn yếu, việc thi hành kỷ cương, pháp luật chưa nghiêm, tệ quan liêu, tham nhũng, buôn lậu đã trở thành “quốc nạn”, kéo theo những tệ nạn khác như ma túy, mại dâm, tội phạm,... vẫn đang diễn biến phức tạp ở nhiều nơi và đã trở thành những vấn đề xã hội nhức nhối.

Trước tình hình đó, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn đã được đặt ra từ nhiều năm nay đòi hỏi chúng ta tiếp tục phải làm sáng tỏ: Liệu sự phân hóa giàu nghèo và các tệ nạn xã hội gia tăng có phải là bạn đồng hành không tránh khỏi của quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường? Phải chăng cần chấp nhận phương án đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế trước, đến khi kinh tế phát triển cao rồi mới có đủ nguồn lực để giải quyết các vấn đề xã hội sau?

Rõ ràng, một khi đã quyết định lựa chọn con đường giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội, giải phóng con người mà cuộc Cách mạng tháng Tám đã mở đầu từ 70 năm trước, thì chúng ta không thể

⁽¹⁹⁾ Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

⁽²⁰⁾ *Tlđđ.*

⁽²¹⁾ *Tlđđ.*

chấp nhận bất cứ điểm nào trong những mệnh đề trên.

4. Kiến nghị

Nhiệm vụ đặt ra từ nay đến năm 2020 và nhìn xa đến năm 2030 là phải hết sức coi trọng phát triển sáng tạo những bài học quý báu của Cách mạng tháng Tám và cả những bài học thành công của tiến trình đổi mới mấy chục năm qua, xây dựng được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn, trong đó có những chính sách xã hội thiết thực, cụ thể, hợp lòng dân, tạo thành động lực mạnh mẽ của sự nghiệp tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Với tinh thần đó, dưới đây chúng tôi nêu lên mấy kiến nghị mang tính hệ quan điểm như sau:

Một là, thành tựu của tiến trình đổi mới toàn diện đất nước gần 30 năm qua đã tạo điều kiện đưa đất nước chuyển mạnh sang giai đoạn đầy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức, phát triển kinh tế xanh. Với triển vọng đó, Nhà nước có thể sử dụng hợp lý các nguồn lực để phát triển đồng bộ hệ thống chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, cải thiện đời sống nhân dân ngay trong từng bước và từng chính sách. Không chờ đợi đến khi kinh tế phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; càng không hy sinh tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần vì lợi ích của một thiểu số.

Hai là, trong điều kiện ngày càng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa, việc phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng không chỉ được thực hiện bằng cách phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư. Điều quan trọng hơn là phải tạo ra các cơ hội công bằng bảo đảm cho mọi người, nhất là những người yếu thế và dễ bị tổn thương, đều được làm chủ một phần tư liệu sản xuất, được hưởng một nền giáo dục cơ bản, được hướng dẫn và đào tạo về nghề nghiệp, được chăm sóc về y tế, được giúp đỡ lúc gặp khó khăn,... để họ có thể lo liệu và dần dần nâng cao chất lượng cuộc sống bản thân và gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước.

Ba là, kế thừa và phát huy bài học thành công của Cách mạng tháng Tám, toàn bộ các chính sách phát triển xã hội theo hướng tiến bộ và công bằng đều cần được tiến hành theo phương châm xã hội hóa, kết hợp sức mạnh vật chất và tinh thần của cả Nhà nước, cộng đồng và bản thân mỗi người dân.

Có thể nói, sự nghiệp tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước đến năm 2020 và những năm tiếp theo có thu được những thành tựu mới hay không và thành tựu đó to lớn đến mức nào một phần rất quan trọng phụ thuộc vào sự đúng đắn của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các chính sách xã hội nói riêng. Chiến lược và những chính sách đó phải luôn đặt trọng tâm vào việc chăm lo, bồi dưỡng, phát huy cao độ nhân tố con người, xem con người là động lực to lớn nhất của sự nghiệp đổi mới; đồng thời coi âm no, tự do, hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng và Nhà nước ta.

Đó cũng chính là bài học cốt lõi và bao trùm nhất về thực thi chính sách xã hội mà Cách mạng tháng Tám 1945 đã để lại cho thế hệ ngày nay và các thế hệ mai sau.

